

Trường: Trường MN Hoa Phượng Vàng

Bộ phận: Bán trú

## BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

Ngày: 27/10/2025 Số học sinh: 421 phần ăn/ngày 24.000 đ

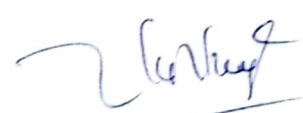
| Tiền tồn ngày<br>hôm trước<br>chuyển qua | Thu trong ngày                      | Tổng thu   | Chi tiền ăn<br>(23.600đ) | Nước uống HS<br>(400đ) | Tổng chi   |
|------------------------------------------|-------------------------------------|------------|--------------------------|------------------------|------------|
|                                          | 10.104.000                          | 10.104.000 | 9.935.600                | 168.400                | 10.104.000 |
| STT                                      | Tên thực<br>phẩm/gia vị,<br>khác... | ĐVT        | Số lượng                 | Đơn giá<br>(VNĐ)       | Thành tiền |
|                                          | Gia vị                              |            |                          |                        | 284.744    |
| 1                                        | Muối hạt                            | Kg         | 0,50                     | 6.000                  | 3.000      |
| 2                                        | Muối I ốt                           | Kg         | 0,30                     | 6.000                  | 1.800      |
| 3                                        | Nước mắm                            | Lít        | 1,50                     | 18.296                 | 27.444     |
| 4                                        | Đường                               | Kg         | 1,00                     | 27.000                 | 27.000     |
| 5                                        | Bột ngọt 1,8 kg                     | Kg         | 0,50                     | 122.000                | 61.000     |
| 6                                        | Hạt nêm                             | Kg         | 0,30                     | 106.000                | 31.800     |
| 7                                        | Dầu ăn                              | Lít        | 2,00                     | 50.000                 | 100.000    |
| 8                                        | Bột canh                            | Kg         | 0,30                     | 22.000                 | 6.600      |
| 9                                        | Hành khô                            | Kg         | 0,30                     | 87.000                 | 26.100     |
|                                          | Bữa trưa                            |            |                          |                        | 5.467.020  |
| 1                                        | Gạo trắng                           | Kg         | 37,89                    | 18.000                 | 682.020    |
| 2                                        | Thịt heo                            | Kg         | 25,00                    | 115.000                | 2.875.000  |
| 3                                        | Đậu khuôn chiên                     | Kg         | 19,00                    | 29.000                 | 551.000    |
| 4                                        | Cà chua                             | Kg         | 8,00                     | 23.000                 | 184.000    |
| 5                                        | Rau ngót                            | Kg         | 13,00                    | 35.000                 | 455.000    |
| 6                                        | Tôm biển                            | Kg         | 4,00                     | 180.000                | 720.000    |
|                                          | Bữa Xế                              |            |                          |                        | 2.738.435  |
| 1                                        | Cá hồi                              | Kg         | 8,13                     | 295.000                | 2.396.875  |
| 2                                        | Bí đỏ                               | Kg         | 6,00                     | 16.000                 | 96.000     |
| 3                                        | Đậu xanh                            | Kg         | 2,00                     | 47.000                 | 94.000     |
| 4                                        | Gạo cháo                            | Kg         | 8,42                     | 18.000                 | 151.560    |
| Cộng chi ăn trong ngày                   |                                     |            |                          |                        | 8.490.199  |

Bằng chữ: Tám triệu bốn trăm chín mươi ngàn một trăm chín mươi chín đồng

Tồn cuối ngày: 1.445.401 Đ

Hiệu trưởng  
  
Lê Thị Nguyên

Phụ trách bán trú

  
Vũ Thị Thanh Thúy

Kế Toán

  
Đào Thị Thúy Hằng

Người lập bảng

  
Nguyễn Thị Hồng Nghĩa